

Bản án số: 118/2024/DS-ST

Ngày: 30/8/2024

V/v tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Ngọc Liêm và bà Nguyễn Thị Ly.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Tường Vi, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2024/TLST- DS ngày 03 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 450/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 388/2024/QĐST-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bé T, sinh năm 1952; địa chỉ: số D, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Di Thị Hồng N, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2024 được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Chí C, sinh năm 1996; địa chỉ: số C, tổ A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Di Thị Hồng N, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp I, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại các phiên hòa giải, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Theo nội dung đơn kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Bé T cho rằng do quen biết nên ông Lê Chí C liên hệ vay ông số tiền 40.000.000 đồng thì ông đồng ý. Khi cho vay tiền, các bên làm giấy mượn tiền thể hiện nội dung bên cho vay là ông và bên vay là ông Lê Chí C. Ông giao số tiền cho Di Thị Hồng N (con dâu ông) giao cho C. Theo giấy vay tiền thể hiện bên cho vay là ông nhưng tại mục ký tên bên cho vay là chị Di Thị Hồng N, ông C ký và ghi họ tên vào mục bên vay. Thời điểm này có bà Nguyễn Thị M chứng kiến nên có ký tên làm chứng. Sau khi vay tiền, đến hạn trả nhưng ông C không thực hiện nghĩa vụ mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu ông Lê Chí C có nghĩa vụ trả số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 18/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: (bản sao) giấy CMND, sổ hộ khẩu của nguyên đơn; 01 (một) đơn xác nhận tình trạng cư trú; 01 (một) bản photo, giấy vay tiền và cam kết trả nợ;

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lê Chí C vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến, không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vắng mặt, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày, vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu ông C có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Bé T số tiền 40.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày nộp đơn khởi kiện 15/01/2024 đến ngày 30/8/2024.

Bị đơn Lê Chí C vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến, không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234; bị đơn từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 và Điều 234 từ khi thụ lý vụ án, tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 76 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* giữa ông Nguyễn Bé T và ông Lê Chí C lập hợp đồng vay. Theo đó, ông T cho ông C vay số tiền 40.000.000 đồng đến hạn nhưng ông C không thực hiện theo cam kết đã vi phạm nghĩa vụ của người vay. Vì vậy, việc ông T khởi kiện ông C phải trả nợ và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày nộp đơn 15/01/2024 đến ngày xử sơ thẩm là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự, đề xuất:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bé T với ông Lê Chí C.

Buộc ông Lê Chí C có nghĩa vụ trả tiền gốc 40.000.000 đồng và lãi 10%/năm từ 15/01/2024 đến 30/8/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền vay và lãi suất; căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định là tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*”.

[2] Về thẩm quyền: bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: bị đơn vắng mặt tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng: Theo nội dung đơn kiện, ông Nguyễn Bé T cho rằng do quen biết nên ông có cho ông Lê Chí C vay số tiền 40.000.000 đồng, các bên làm giấy mượn tiền thể hiện nội dung bên cho vay là ông và bên vay là ông Lê Chí C. Ông giao số tiền cho con dâu ông Di Thị Hồng N giao cho C. Theo giấy vay tiền thể hiện bên cho vay là ông nhưng tại mục ký tên chỗ

bên cho vay là chị Di Thị Hồng N, ông C ký và ghi họ tên vào mục bên vay. Thời điểm này có bà Nguyễn Thị M chứng kiến nên có ký tên làm chứng.

[4.2] Về nhận định, đánh giá tài liệu, chứng cứ: Trên cơ sở giấy mượn tiền thể hiện giao dịch vay được xác lập giữa ông Nguyễn Bé T và ông Lê Chí C là tự nguyện; do ông C vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên ông Nguyễn Bé T khởi kiện yêu cầu ông Lê Chí C trả số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 15/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Về lãi suất: do ông C vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày nộp đơn kiện 15/01/2024 đến ngày xử sơ thẩm 30/8/2024, cụ thể $40.000.000 \text{ đồng} \times 10\%$ (từ 15/01/2024 đến 30/8/2024) = 2.825.000 đồng (hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn).

Tổng số tiền ông C phải cho nghĩa vụ trả gốc và lãi là: 40.000.000 đồng + 2.825.000 đồng = 42.825.000 đồng (bốn mươi hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn).

[6] Về án phí: *Căn cứ khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội*; Do nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn được Hội đồng xem xét chấp nhận nên không nộp tạm ứng án phí, không đề cập việc hoàn trả. Bị đơn Lê Chí C phải chịu án phí theo quy định là 5% số tiền 42.825.000 đồng, tương ứng 2.141.000 đồng (hai triệu một trăm bốn mươi một nghìn).

[7] Đánh giá quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273; Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ các 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bé T với ông Lê Chí C.

Buộc ông Lê Chí C có nghĩa vụ trả số tiền 42.825.000 đồng (bốn mươi hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn) cho ông Nguyễn Bé T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. *Về án phí:* Bị đơn Lê Chí C phải chịu 2.141.000 đồng (hai triệu một trăm bốn mươi một nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn Nguyễn Bé T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bị đơn Lê Chí C, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Di Thị Hồng N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc được niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong